TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/DS-PT
Ngày 23-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Huy Cường.

Các Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ;

Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 23 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 358/2023/TLPT-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 494/2023/QĐPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa phúc thẩm số 20/2024/QĐPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa phúc thẩm số 65/2024/QĐPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Chen Mu K, sinh năm 1961; địa chỉ: đường NA3, khu công nghiệp M, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Tuấn K1, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ 2, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 11 năm 2022). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1974; địa chỉ: thửa đất 1x, tờ bản đồ số 31, Tổ 4, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Phan Thanh B, sinh năm 1983; địa chỉ: số 39/17/14, đường 22, khu phố 7, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 12 năm 2022). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông Chu Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: X18, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Thanh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2022, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Tuấn K1 trình bày:

Vào ngày 29/9/2022, tại trụ sở Công ty TNHH S có địa chỉ đường NA3, khu công nghiệp M, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương giữa ông Chen Mu K và bà Lê Thị M có ký hợp đồng cho vay tiền. Nội dung là ông K cho bà M vay số tiền 2.000.000.000 đồng, mục đích để sử dụng cá nhân, không có tài sản thế chấp, thời hạn vay là từ ngày 29/9/2022 đến ngày 10/10/2022, phương thức cho vay bằng tiền mặt. Nếu quá thời hạn ngày 10/10/2022 thì bà M phải chịu tiền lãi suất là 300.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng thì ông K đã nhờ ông Chu Văn H là trợ lý chuyển đầy đủ số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản của bà M.

Sau khi vay tiền, bà M không thực hiện theo đúng thoả thuận trong hợp đồng cho vay tiền. Đến nay đã quá thời hạn thanh toán nhưng bà M không trả tiền gốc và lãi cho ông K, dù ông K đã nhiều lần yêu cầu thanh toán.

Do đó, ông K khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết: buộc bà Lê Thị M trả cho ông Chen Mu K số tiền 2.300.000.000 đồng, gồm; tiền nợ gốc: 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 300.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Thanh B trình bày:

Bà M và ông K có mối quan hệ quen biết với nhau vì bà M lấy chồng người Đài Loan cùng quê với ông K. Ngoài ra, khi ông K có nhu cầu bán nhà xưởng thì bà M có đại diện đứng ra thương lượng mua bán nhà xưởng cho ông K. Giữa hai bên có thoả thuận về việc sau khi bán được nhà xưởng thì sẽ trả tiền hoa hồng cho bà M 3.000.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay ông K chưa thực hiện. Bị đơn xác nhận có trực tiếp ký tên xác nhận đại diện bên A vào hợp đồng vay tiền ngày 29/9/2022 mà nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên trên thực tế bà M không nhận tiền của ông K sau khi ký hợp đồng trên, mà thông qua ông Chu Văn H chuyển khoản cho bà M. Mục đích bà M vay tiền của ông K là để khấu trừ tiền hoa hồng khi bà M đứng ra bán nhà xưởng giùm cho ông K. Khi bà M bán xong xưởng cho ông K, thì ông K sẽ khấu trừ số tiền vay 2.000.000.000 đồng và lãi 300.000.000 đồng.

Hiện nay xưởng đã bán được nhưng ông K không khấu trừ số tiền vay này cho bà M.

Bà M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông K. Ngoài ra việc thoả thuận tiền lãi suất là 300.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền là không phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam; ông Chen Mu K là người Trung Quốc, là người nước ngoài. Căn cứ theo khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố T. Đề nghị Toà án nhân dân thành phố T chuyển vụ án đến Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn H trình bày: Vào ngày 29/9/2022, bà M có đến trụ sở công ty TNHH S có địa chỉ đường NA3, khu công nghiệp M, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương gặp ông K để vay số tiền 2.000.000.000 đồng, việc vay mượn tiền có sự chứng kiến của ông H (do ông H là trợ lý kiêm phiên dịch của ông K), việc đề xuất thời hạn trả và cam kết về lãi suất là do bà M đề xuất và tự nguyện. Sau khi hai bên ký hợp đồng vay tiền xong thì ông K có giao cho ông H đi ra ngân hàng để chuyển tiền giùm vào tài khoản của bà M. Ông H đã chuyển khoản vào số tài khoản 65010000271770 của bà M với số tiền 2.000.000.000 đồng. Do khi làm hồ sơ chuyển tiền có ghi nhầm lẫn nội dung "công ty S chuyển tiền" nhưng thực tế là tiền của ông K cho bà M vay. Ông H xác định giữa ông H và bà M không có bất kỳ quan hệ làm ăn hay giao dịch nào khác. Ông H không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại phiên tòa cấp sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông K trình bày:

+ Thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi 300.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 29/9/2022. Đề nghị Hội đồng xét xử tính tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự, cụ thể là mức lãi suất 20%/năm, từ ngày vi phạm thời hạn thanh toán là 10/10/2022 cho đến phiên toà hôm nay là 09 tháng 02 ngày với số tiền 302.222.000 đồng.

+ Giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ 2.000.000.000 đồng cho nguyên đơn.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Bình trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữa nguyên đơn và bị đơn còn có mối quan hệ là môi giới mua bán xưởng và hứa thưởng. Nguyên đơn sau khi bán được xưởng thì tiền hoa hồng sẽ trừ vào số tiền vay của bà M. Do đó, bị đơn đề nghị bù trừ số tiền vay này. Đề nghị đưa ông Lê Việt T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để hỏi xem có thoả thuận mua bán nhà xưởng không.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chen Mu K đối với bị đơn bà Lê Thị M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Lê Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Chen Mu K số tiền là 2.302.222.000 đồng (Hai tỷ ba trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng), gồm; Tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán 302.222.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu số tiền 78.044.400 đồng (Bảy mươi tám triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng).

Hoàn trả cho ông Chen Mu K số tiền 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006548 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 7 năm 2023, người đại diện hợp pháp của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm: các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn H để đảm bảo quyền lợi của bị đơn.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng bà M không nhận tiền từ ông K là không đúng vì theo tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án cũng như lời khai ông H cũng đã thể hiện rằng ông H thay mặt ông K chuyển tiền cho bà M, nội dung chuyển tiền có sự nhầm lẫn thành nội dung công ty của ông K chuyển tiền cho bà M nhưng thực tế là tiền ông K chuyển cho bà M vay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Mục đích bà M vay tiền của ông K là để khấu trừ tiền hoa hồng khi bà M đứng ra bán nhà xưởng giùm cho ông K. Khi bà M bán xong xưởng cho ông K, thì ông K sẽ khấu trừ số tiền vay 2.000.000.000 đồng và lãi 300.000.000 đồng. Hiện nay xưởng đã bán được nhưng ông K không khấu trừ số tiền vay này cho bà M. Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án khi không đưa ông Lê Việt T vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không triệu tập ông H tham gia phiên tòa. Ông T là người trực tiếp được bà M môi giới để bán hàng tồn kho trong xưởng của ông K, việc không đưa ông T tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bị đơn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: tại đơn phản tố đề ngày 10/5/2023 của bà Lê Thị M thể hiện ý kiến của bà M: "Do cần tiền để xử lý một số công việc cá nhân nên có vay ông Chen Mu K 2.000.000.000 đồng vào ngày 29/9/2022 và hai bên có thỏa thuận là sau này sẽ cấn trừ vào tiền thu lao của tôi được hưởng". Bị đơn bà M thừa nhận có nhận nợ của ông Chen Mu K 2.000.000.000 đồng nên bà M có trách nhiệm trả số tiền này cho ông Chen Mu K.

Bà M cho rằng bản chất giữa bà M và ông Chen Mu K đang tồn tại quan hệ môi giới và hứa thưởng khi bán nhà máy, hàng tồn kho và vật liệu cho ông Chen Mu K. Số tiền vay 2.000.000.000 đồng được trừ vào tiền thù lao sau khi bán được, hiện nay nhà máy, hàng tồn kho và vật liệu của ông Chen Mu K đã bán xong. Tuy nhiên, đơn phản tố của bà M được nộp sau thời điểm hòa giải, công khai chứng cứ nên không đủ điều kiện thụ lý phản tố theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải"*. Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng quy định, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giành quyền khởi kiện cho bị đơn bằng một vụ kiện khác nếu có đơn. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Thanh B kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Thanh B yêu cầu triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn H. Xét thấy, ông Chu Văn H đã có văn bản trình bày ý kiến, sự vắng mặt của ông H không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án nên yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[1.2] Bị đơn yêu cầu chuyển vụ án đến Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết theo thẩm quyền với lý do nguyên đơn là người nước ngoài. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì ông Chen Mu K cư trú tại đường NA3, khu công nghiệp M, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Do đó, ông K là người nước ngoài nhưng định cư, làm ăn tại Việt Nam và có mặt tại Việt Nam vào thời điểm Toà án thụ lý vụ án, việc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn là có căn cứ.

[1.3] Bị đơn nộp đơn yêu cầu phản tố vào ngày 17/5/2023 ở Tòa án cấp sơ thẩm với nội dung "Yêu cầu ông K trả cho bà M tiền thù lao khi bán kho cho ông Lê Việt Triều là 3.000.000.000 đồng, sau khi cấn trừ khoản vay và lãi 2.300.000.000 đồng thì ông K phải trả cho bà M số tiền 700.000.000 đồng". Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/4/2023 và ngày 04/5/2023, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự "Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải". Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Ngoài ra, đại diện hợp pháp của bị đơn yêu cầu đưa ông Lê Việt T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để hỏi xem có thoả thuận mua bán nhà xưởng không, xét thấy đây là tranh chấp vay tài sản giữa ông K và bà M, việc ông Lê Việt T có mua bán hàng tồn kho trong xưởng thông qua môi giới của bà M hay không, không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên yêu cầu của ông Bình không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận vào ngày 29/9/2022 có ký hợp đồng cho vay tiền với nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 2.000.000.000 đồng, mục đích để sử dụng cá nhân, không có tài sản thế chấp, thời hạn vay từ ngày 29/9/2022 đến ngày 10/10/2022. Nếu quá thời hạn ngày 10/10/2022 thì bà M phải

chịu tiền lãi suất là 300.000.000 đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án giấy nộp tiền ngày 29/9/2022 vào số tài khoản của bị đơn với số tiền 2.000.000.000 đồng phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Theo đó có căn cứ để xác định bị đơn có vay số tiền 2.000.000.000 đồng của nguyên đơn, đến thời hạn thanh toán bị đơn không trả lại số tiền đã vay cho nguyên đơn là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng vay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp

[2.2] Về yêu cầu tính lãi cho chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: tại phiên tòa cấp sơ thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 20%/năm, từ ngày vi phạm thời hạn thanh toán là 10/10/2022 cho đến phiên toà xét xử sơ thẩm là 09 tháng 02 ngày với số tiền 302.222.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tính lãi suất đối với số tiền vay 2.000.000.000 đồng với mức lãi suất là 20%/năm kể từ ngày 10/10/2022 đến ngày 12/7/2023, tương đương với số tiền lãi 302.222.000 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải nộp do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Thanh B.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0007964 ngày 07/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T;
- Tòa án nhân dân thành phố T;
- Lưu: hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Huy Cường